

Bản án số: 153/2018/DS-PT
Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Về việc: “*Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Trúc Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2017/TLPT-DS, ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2018/QĐPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** anh Võ Văn D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Văn D: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976. Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2017).

- **Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (chồng bà N).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Võ Văn D) là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Từ tháng 03/2013 đến 02/2017 anh Võ Văn D có thỏa thuận cung cấp thức ăn chăn nuôi heo cho bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T, nội dung thỏa thuận “bao heo ra chuồng” nhưng bà N và ông T không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên anh D đã ngừng cung cấp thức ăn. Tính đến ngày 13/6/2017 (âm lịch) tổng số nợ mà bà N và ông T còn thiếu anh D là 493.311.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 427.411.000 đồng và tiền lãi là 65.900.000 đồng. Bà N và ông T cam kết và hứa nhiều lần để thanh toán số nợ trên cho anh D nhưng không thực hiện được. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình ngày 10/11/2017 anh D khởi kiện yêu cầu bà N và ông T liên đới trả cho anh số tiền nợ thức ăn là 493.311.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 13/6/2017 âm lịch (ngày 04/8/2017 dương lịch) đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án với số tiền là 6 tháng 23 ngày ($29.598.660 + 3.782.051 = 33.380.711$). Tổng cộng vốn và lãi là 526.691.711 đồng.

Tại phiên tòa ông P xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền lãi là 65.900.000 đồng và 33.380.711 đồng, chỉ yêu cầu ông T, bà N liên đới trả cho anh D số tiền nợ gốc là 427.411.000 đồng.

Theo bản án sơ thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Thị N đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T trình bày: bà thống nhất với anh D về thời gian thực hiện hợp đồng, hình thức hợp đồng cũng như số tiền thức ăn còn thiếu. Bà đồng ý cùng ông T liên đới trả cho anh D số tiền nợ thức ăn là 427.411.000 đồng, bà yêu cầu được trả dần mỗi tháng trả 4.000.000 đồng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2018 đã tuyên như sau:

Áp dụng các Điều 430, 433 và Điều 434 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, 219 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 99.280.711 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn D cụ thể tuyên:

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Võ Văn D tổng số tiền thức ăn còn thiếu là 427.411.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm mười một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/3/2018, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm giải quyết cho ông xin trả nợ nhiều lần. Mỗi tháng xin trả từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn P là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Võ Văn D không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

Quan điểm Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T cho rằng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả nợ một lần, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết cho ông được trả nợ nhiều lần, mỗi tháng trả từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho đến khi tắt nợ. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của phía bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn xin trả dần nợ là không phù hợp, vấn đề này thuộc về giai đoạn thi hành án nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[2] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay hộ gia đình ông Thơ thuộc diện hộ cận nghèo theo Giấy chứng nhận số 123/GCN-HN.HCN ngày 01/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã C, nên ông T được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Thơ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

Áp dụng các Điều 430, 433 và Điều 434 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 148; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, 219 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn D đối với số tiền 99.280.711 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn D.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Võ Văn D tổng số tiền thức ăn còn thiếu là 427.411.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm mười một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ.

Hoàn trả cho anh Võ Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.261.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013080 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Ngọt

